

KỊCH BẢN VĂN HỌC LƯU QUANG VŨ - TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA BẢN ĐỊA

Lê Thị Minh Hiền

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: minhhiendhkh@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/12/2022; ngày hoàn thành phần biên: 26/12/2022; ngày duyệt đăng: 26/12/2022

TÓM TẮT

Văn hóa là một phạm trù rất rộng, biểu hiện của nó trong văn học cũng rất đa dạng, phong phú. Trong bài viết này, khi nghiên cứu vấn đề văn hóa bản địa trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, chúng tôi không có tham vọng chỉ ra hết những yếu tố thuộc về văn hóa trong kịch bản văn học của ông, mà chỉ tập trung nêu lên những nét văn hóa cơ bản, nhưng lại là những dấu ấn đặc sắc, nổi bật và là một trong những yếu tố tạo nên thành công và sức sống lâu bền cho kịch bản văn học Lưu Quang Vũ, đó là: Hệ thống xung hô dân dã, phong phú; các yếu tố văn học dân gian (thành ngữ, tục ngữ, ca dao, dân ca...); bài học nhân sinh qua các quan niệm văn hóa; các yếu tố văn hóa cộng đồng truyền thống...

Từ khóa: Kịch bản văn học, Lưu Quang Vũ, văn hóa.

1. MỞ ĐẦU

Văn hóa với văn học vốn đã có sự gắn kết một cách sâu sắc, khó có thể chia tách. Văn học là tấm gương của văn hóa; là sự tự ý thức và là biểu hiện của văn hóa. Là một bộ phận của văn hóa, văn học chịu sự chi phối và chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ môi trường văn hóa truyền thống, văn hóa thời đại của một cộng đồng dân tộc trên nhiều bình diện như phong tục tập quán, lễ hội, tôn giáo, tín ngưỡng, tri thức dân gian.. Văn học là phương tiện đắc lực trong việc gìn giữ, và bảo lưu văn vốn hóa truyền thống dân tộc. Như ý kiến của của nhà nghiên cứu Trần Đình Sử từng nhận xét: “ Văn học là bộ phận quan trọng của văn hóa, sự giàu có của nó về nội dung và hình thức trực tiếp làm giàu cho văn hóa”[9; tr.894].

Văn hóa được thể hiện trong các tác phẩm văn học một cách đa dạng, phong phú như chính bản nguyên của nó vậy. Tác phẩm văn học là sản phẩm tinh thần của nhà văn – chủ thể sáng tác, là con đẻ thuộc về một cộng đồng nhất định. Dù muốn hay không, nhà văn cũng tiếp nhận những thành tố văn hóa của cộng đồng mình, những

lối tư duy, những mô thức ứng xử, trong đó chứa đựng nội hàm văn hóa tâm lý riêng của thời đại và giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng, dân tộc. Vì vậy, nhà văn dù sáng tạo đề tài gì, viết ra hay nói ra vấn đề gì thì cũng vẫn thể hiện cảm thức văn hóa và những kết cấu tâm lý văn hóa độc đáo của dân tộc mình. Như vậy, xét về một ý nghĩa nào đó, nhà văn là người đã viết nên lịch sử tâm hồn văn hóa dân tộc mình bằng văn học để thức nhận những ký ức văn hóa dân tộc nơi người đọc. Tiếp xúc với tác phẩm văn học cũng chính là tiếp xúc với những giá trị văn hóa được nhà văn phản ánh trong đó.

Là một thể loại của văn học, so với các loại hình nghệ thuật khác, kịch bản văn học là tấm gương soi rõ nhất bộ mặt văn hóa dân tộc. Bởi chính kịch đã sử dụng rất hiệu quả và đặc lực phương tiện cốt lõi của văn hóa, đó là ngôn ngữ – cầu nối giao thoa giữa con người với con người.

Lưu Quang Vũ hiện diện trên văn đàn Việt Nam thế kỷ XX như một tài năng đa dạng ở nhiều lĩnh vực như: báo chí, văn xuôi, tiểu luận, kịch và thơ... Với hơn 20 năm sáng tạo nghệ thuật nghiêm túc, cần mẫn, Lưu Quang Vũ đã để lại một di sản văn học quý giá, mang đậm dấu ấn sáng tạo, đặc biệt ở thể loại thơ và kịch. Xuyên suốt toàn bộ cuộc đời nghệ thuật ngắn ngủi nhưng bề thế của Lưu Quang Vũ là thái độ dấn thân dũng cảm, đổi mới sáng tạo một cách quyết liệt. Về bản chất, sáng tạo văn học của Lưu Quang Vũ chính là những truy vấn và đối thoại không ngừng về nhân sinh, lịch sử, đất nước, con người từ góc nhìn văn hóa và tinh thần nhân bản; là ý thức và tinh thần yêu nước, là niềm tự hào về truyền thống văn hóa dân tộc từ quá khứ đến hiện tại... tất cả luôn mãnh liệt trong từng mạch cảm xúc sáng tác kịch của ông.

Ở bài viết này, khi tìm hiểu *kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ - từ góc nhìn văn hóa bản địa*, bước đầu chúng tôi cố gắng chỉ ra những yếu tố nổi trội, mang tính chất biểu trưng được thể hiện qua các tín hiệu thẩm mỹ, kết cấu bề mặt cũng như kết cấu bề sâu của các kịch bản văn học của ông.

2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1. Hệ thống xung hô dân dã, phong phú

Có thể nói, tác phẩm văn học nói chung và kịch bản văn học nói riêng là sản phẩm của nghệ thuật ngôn từ. Từ ngữ tham gia vào trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong tác phẩm văn học với nhiều đặc điểm về nguồn gốc, ngữ nghĩa, phong cách, chức năng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc phong phú và đa dạng. Cũng như các tác phẩm văn học khác, thế giới nhân vật trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ khá đa dạng, nhiều chủ đề như là một bức tranh xã hội thu nhỏ với đủ các đặc điểm về giới tính (nam, nữ), thành phần xuất thân (bộ đội, công nhân, trí thức,...), cương vị xã

hội, thái độ, đạo đức, các quan hệ xã hội... với thời gian và không gian được miêu tả, trần thuật mang tính bao quát, rộng lớn.

Xung hô là một tập quán và là một biểu hiện mang tính đặc trưng của văn hóa ứng xử của một cộng đồng, quốc gia, dân tộc. Qua cách xưng hô, người ta có thể nhận biết thái độ, tình cảm, quan hệ của những người trong cuộc đối thoại. Trong giao tiếp nói chung, giao tiếp bằng tiếng Việt nói riêng, người ta huy động một số lượng khá lớn các từ để xưng hô trong giao tiếp hằng ngày, điều này thể hiện nét đặc trưng văn hóa riêng của dân tộc ta. Khác với các ngôn ngữ khác trên thế giới là sử dụng từ xưng hô khá đơn giản trong giao tiếp, thì ngược lại, lối xưng hô của người Việt lại rất phức tạp và phong phú. Điều này có thể nhận thấy rõ trong hệ thống kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, các nhân vật sử dụng lối xưng hô rất đa dạng. Chẳng hạn như trong vở kịch *Hồn Trương Ba - da hàng thịt*, để chỉ nhân vật Hồn Trương Ba trong các mối quan hệ khác nhau với các nhân vật, ứng với các mối quan hệ đều có các cách xưng hô khác nhau. Có thể liệt kê ra như sau: Hồn Trương Ba với vợ: tôi - bà; với con trai: thầy - anh; với con dâu: thầy - con; với bé Gái: ông - cháu, với Đế Thích: tôi - ông; với vợ anh hàng thịt: tôi - chị; với bác Trường Hoạch: tôi - bác... Ngoài ra, trong nhiều kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, các nhân vật thường gắn với mỗi trách nhiệm và quyền lợi của mình trong mối quan hệ cá nhân và xã hội. Họ có tên gọi riêng và cũng là tên gọi của nhân vật, đó là: Anh công nhân, bà Trưởng phòng tài vụ, Trưởng phòng tổ chức lao động, người khách hàng, sĩ quan công an, Bộ trưởng... trong *Tôi và chúng ta*. Hay là một người bán thuốc, người hành khách, một nhân viên phòng thuế... trong *Điều không thể mất*. Ngoài ra, tên nhân vật còn được gọi theo chức vụ, theo công việc hoặc theo thể trạng hay những đặc điểm, thậm chí là những khuyết tật của cơ thể như: Ông già gác nghĩa trang trong vở *Tôi và chúng ta*; Lý trưởng trong vở *Hồn Trương Ba da hàng thịt*; anh thanh niên bị lác mắt trong vở *Nguồn sáng trong đời*; anh gầy, chị béo, người chồng say rượu trong vở *Hoa cúc xanh trên đầm lầy*; anh Vĩ Nhân trong vở *Quyền được hạnh phúc*... Có thể nói, khác với ngôn ngữ nhiều nước trên thế giới, ngôn ngữ Việt rất đa dạng và phong phú trong hệ thống ngôi xưng và gọi đáp, điều này đã được Lưu Quang Vũ vận dụng tối đa trong kịch bản văn học của mình. Chính điều ấy cũng góp phần tạo nên sự gần gũi cho kịch bản của ông với người tiếp nhận, làm cho cuộc đối thoại giữa các nhân vật trong kịch trở nên gần gũi như cuộc sống hàng ngày

Bên cạnh hệ thống xưng hô dân dã, trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ còn chứa đựng những tên gọi của các nhân vật, mang đậm bản sắc văn hóa gọi tên của dân tộc. Các tên gọi ấy đa phần đều mang đặc trưng quê mùa, dân dã như: cụ Gồi trong *Những ngày đang sống*; ông Quách, bà Bộng trong *Tôi và chúng ta*; lão Chạp trong *Đôi dòng sữa mẹ*; bé Diêm trong *Muôi mận đời em*; cái Gái trong *Hồn Trương Ba da hàng thịt*; bé Nha trong *Lời nói dối cuối cùng*... đã hé mở cho người xem về một

kiểu nhân vật, một loại tính cách của những người dân chỉ biết sống thẳng ngay, hồn hậu, trung thực và chứa chan tình người.

Ngay cái tên đã nói lên hết nét tính cách hay đặc điểm của mỗi nhân vật đó. Ông Cau Có thì đúng là lúc nào cũng tỏ ra cau có với người khác. Khi các nhân viên của Ủy ban đặc biệt tới kiểm tra ở nhà ga để bắt hai người máy bỏ trốn thì ông ta đã tỏ ra rất khó chịu “Sao lại phải kiểm tra? Lắm chuyện, chúng tôi có buôn lậu đâu”, “Thật không hiểu ra sao! Chỉ vẽ sự gây phiền hà. Kiểu này lại để kiểm chác đây mà”². Ông ta còn bực mình nên quay sang dọa bà Sợ Sệt: “Cứ đòi đi thăm họ hàng nữa đi! Bây giờ xộc vào đây thì... Nó bóp cổ cho bà lè lưỡi ra”³. Còn bà Sợ Sệt thì lúc nào cũng trông tượng ra những điều luôn khiến mình bất an, lúc nào cũng hoảng sợ đúng như tên gọi của bà. Khi ở trong nhà ga, bà luôn lo lắng sợ mất cái ví: “Họ bảo ở ga là dễ mất cắp lắm... Tôi sờ sờ là... Đông người quá, mà trông là toàn người gian cả”⁴. Rồi khi nghe có hai người máy trốn thoát thì bà ta đã rất sợ hãi “Sợ thật! Nó có gây nguy hiểm không, có... có cướp bóc không”, “khiếp quá! Tôi không còn hồn vía nào”⁵. Chị Bé – cái tên làm người ta nghĩ ngay đến đặc điểm là ăn nhiều như anh Gầy đã nói “em là ... cái máy ăn”⁶. Còn anh Gầy thì hình dáng như cái que. Đây là những nhân vật thuần nhất theo tên gọi và thể hiện rất rõ đặc trưng đặt tên của người Việt.

Là một nước có truyền thống văn hóa nông nghiệp lâu đời, chính truyền thống văn hóa cộng đồng đã tác động sâu sắc đến lối suy nghĩ của con người Việt Nam. Trọng tình cảm, lấy tình cảm làm đầu, trọng sự hiếu hòa, kính trên nhường dưới và thân mật trong giao tiếp đã trở thành một nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của người Việt. Cũng do tính cộng đồng, người Việt tự thấy có trách nhiệm phải quan tâm đến người khác. Thói quen ưa tìm hiểu, quan sát, đánh giá: tuổi tác, nghề nghiệp, quê quán, trình độ học vấn, địa vị xã hội, tình trạng gia đình... để có thể xưng hô cho phù hợp đã tạo nên một nét văn hóa đặc sắc riêng có của người Việt, xuất phát từ tâm lý coi trọng tập thể, cộng đồng.

2.2. Các yếu tố văn hóa cộng đồng truyền thống

Văn học là tấm gương phản ánh văn hóa của mỗi dân tộc, trong đó có văn hóa giao tiếp. Giao tiếp là một nhu cầu tất yếu của con người. Mỗi dân tộc đều có những đặc trưng riêng trong văn hóa giao tiếp. Với người Việt, các đặc trưng trong văn hóa giao tiếp bao gồm: vừa thích giao tiếp lại vừa rất rụt rè; trọng tình nghĩa; quen ưa tìm hiểu, quan sát, đánh giá bề ngoài; thể hiện tính cộng đồng cao; ưa sự tế nhị, ý tứ và trọng sự hòa thuận.

Có thể nói rằng kịch bản văn học là thể loại văn học thể hiện rõ nhất những đặc trưng về văn hóa giao tiếp, bởi đây là thể loại khai thác tối đa việc đối thoại giữa các nhân vật. Kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ cũng chứa đựng những đặc trưng ấy

qua lời thoại của các nhân vật và kể cả trong phần chú thích, hướng dẫn của tác giả đối với nhân vật (diễn viên).

- Ưu quan sát, đánh giá về bề ngoài của người khác cũng là một trong những đặc điểm trong văn hóa giao tiếp của người Việt. Trong vở *Hôn Trương Ba - da hàng thịt*, khi nhân vật Đế Thích xuất hiện với “bộ quần áo nón mê”, bà vợ Trương Ba đã nghĩ Đế Thích là một lão ăn mày: “- Vợ Trương Ba: Lại thần thánh gì nữa! Các ông đúng là cứ như sống trong mơ ấy! Thế cái lão ăn mày lúc nãy đâu rồi? / - Trương Hoạt: Bà ơi, nói năng cho cẩn thận, có biết ai đấy không? Không phải lão ăn mày, mà là... ấy chết! (Vội đưa tay tự bịt mồm) /- Trương Ba: Không nhìn hình vóc bên ngoài mà xét đoán người được! Từ nay, bà phải nhớ điều đó!”.

- Tính cộng đồng là một trong những đặc trưng rõ nét trong văn hóa giao tiếp của người Việt. Tính cộng đồng là hệ quả của nét văn hóa làng xã và nền văn minh nông nghiệp lúa nước lâu đời của người Việt, đặc trưng đó được thể hiện rất rõ trong văn hóa giao tiếp. Trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, tính cộng đồng trong giao tiếp được thể hiện qua việc nhân vật được đặt vào trong môi trường sống nhất định và nhân vật ấy cùng với lập trường của mình có tiếng nói bảo vệ cho tập thể mà mình thuộc về hay mình ủng hộ. Chẳng hạn như trong vở *Ngọc Hân công chúa*, việc phân biệt Đàng Trong với Đàng Ngoài được thể hiện qua lời thoại của các nhân vật: “Một anh lính: Các cô ấy hát, chẳng lẽ mình cứ im? Sâm, cậu hát lý, hò khoan, bài chòi đều giỏi, cất giọng đi, cho các cô ấy biết mặt giai Bình Định, Phú Yên!”². Hay: “Các anh lính: Các cô gái Thăng Long thấy trai Đàng Trong chúng tôi hát có được không hè?/ Một cô gái: Được! Phả cái hơi rè rè, bởi hút nhiều thuốc rê Bình Định quá!”³. Không chỉ thể hiện tính cộng đồng về mặt không gian địa lý, kịch bản văn học Lưu Quang Vũ còn thể hiện tính cộng đồng trong văn hóa giao tiếp ở cả cách nghĩ và lối sống. Trong vở kịch *Tôi và chúng ta*, tiếng nói của các nhân vật cũng là tiếng nói của tập thể, dù đó là những con người thuộc phe bảo thủ, hay là những người đi theo cái mới.

- Trong giao tiếp, người Việt luôn thích sự tế nhị, trọng sự hòa thuận. Đây cũng là một trong những hệ quả của tính cộng đồng trong văn hóa Việt. Bởi vậy, người ta luôn phải “lựa lời” trước khi nói, và ngay cả khi không vừa lòng hay có ý mỉa mai, người ta vẫn dùng cách nói ý nhị nhưng lại đạt hiệu quả cao. Trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, sự ý nhị cũng được thể hiện thông qua đối thoại giữa các nhân vật kịch. Trong kịch bản văn học của mình, Lưu Quang Vũ lựa chọn sự hài hước, dí dỏm để dẫn dắt, xây dựng và phát triển tình huống kịch.

Sự hài hước, dí dỏm không chỉ giúp phản ánh vấn đề, hiện tượng được nói tới mà còn toát lên sự thông minh, nét duyên dáng và đáng yêu của nhân vật. Nhân vật ông Quách trong *Tôi và chúng ta* được khắc họa sống động bằng ngôn ngữ dí dỏm, vì thế mà để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc. Qua chi tiết ông Quách nói với nhân vật Bộ trưởng, ta thấy rõ được điều đó: “Ông Quách: Dạ thưa bác đến thế nào

được. Vẫn biết các bác là đầy tớ của nhân dân, nhưng đến nhà các ông đầy tớ... khó lắm. / Bộ trưởng: Sao lại khó? Không phải khẩu hiệu suông đâu mà là sự thật: Các bác là chủ xí nghiệp này, chủ đất nước này, các bác phải phát huy thật tốt quyền làm chủ của mình, còn nếu như ông bộ trưởng nào vi phạm quyền làm chủ thiêng liêng ấy của người lao động, dứt khoát phải bị cách chức. Tôi xin đảm bảo với bác điều đó. / Ông Quých: Vâng, vậy thì tôi xin nói ạ. Thưa bác, “quan dân dân khổ” mà nếu quan không dân thì quan lại khổ”¹.

Đoạn đối thoại trên chứng tỏ cho sự thẳng thắn của nhân vật Ông Quých, nhưng mặt khác lại cho thấy sự tinh tế, khôn khéo và ý nhị của người công nhân này. Vấn đề là qua đây, ý nghĩa diễn ngôn được chuyển tải đến người đọc, người xem một cách nhẹ nhàng mà thâm thúy. Trong *Lời thề thứ chín*, sự dí dỏm, hài hước cũng được Lưu Quang Vũ tạo dựng thành công thông qua đối thoại giữa các nhân vật. Đặc biệt là trong đoạn đối thoại giữa bốn người lính trẻ khi buộc tên Tuần khai những tội ác của mình vào giấy “Đơn: Viết đi! Biết chữ quốc ngữ chứ? “Tôi Quách Văn Tuần thú nhận rằng mình có những tội lỗi sau đây: Tôi là một tên cường hào ác bá mới làm hoen ố bức tranh nông thôn đáng lẽ tươi đẹp vô cùng... lợi dụng sự sơ hở của Đảng và nhân dân, tôi đã chiếm lấy quyền chức để hoành hành phá hoại, đàn áp đất nước và ăn hốt cho căng cái bụng thối của tôi ra...”².

Có thể khẳng định, ngôn ngữ đối thoại mang đậm dấu ấn văn hóa giao tiếp của người Việt Nam là một trong những yếu tố làm nên thành công trong việc khắc họa nhân vật kịch của Lưu Quang Vũ, làm nên phong cách và sức sống của kịch Lưu Quang Vũ.

Ẩm thực cũng là một trong những nét văn hóa đặc sắc của người Việt. Trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, ẩm thực chỉ xuất hiện như một nét điểm xuyết trong một số kịch bản của ông, nhưng lại mang nặng dấu ấn văn hóa truyền thống của người Việt. Ẩm thực đã vượt khỏi tầm vật chất mà trở thành yếu tố văn hóa, một mảng văn hóa đậm đà, duyên dáng và cốt cách. Không đề cập sâu về ẩm thực như Thạch Lam, Vũ Bằng hay Nguyễn Tuân..., trong một số vở kịch của mình, Lưu Quang Vũ đã lồng ghép vào lời thoại của nhân vật kịch những món ăn mang đặc trưng văn hóa ẩm thực của từng vùng quê miền kinh Bắc nói riêng và văn hóa ẩm thực Việt Nam nói chung. Chẳng hạn như trong vở *Ngọc Hân công chúa*, xuất hiện các hình ảnh: “chén rượu, bát cơm – miếng trầu, cốc nước” hay “bánh đúc chấm tương”, “nước chè nụ ướp hoa sen Hồ Tây”, “rượu hoa cúc Kinh Bắc”; đó còn là hình ảnh của những “xôi chè, bánh trôi” trong *Tôi và chúng ta*; bún ốc, nước vối trong *Hôn Trương Ba da hàng thịt*. ...

Một đặc điểm nữa thuộc về văn hóa dân tộc được Lưu Quang Vũ xây dựng trong kịch bản văn học của mình, đó chính là truyền thống văn minh nông nghiệp lúa nước lâu đời của dân tộc Việt Nam được thể hiện rõ nét qua không gian làng quê và không gian sinh hoạt, mà rõ rệt nhất là làng quê bắc Việt là - bối cảnh nơi xảy ra các

tình huống kịch. Dù là đề tài lịch sử quá khứ hiện tại hay ở những vở kịch có xu hướng dự báo tương lai thì kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ đều xây dựng những không gian gắn bó với làng quê Việt. Đó là những không gian không chỉ mang tầm vóc là nền tảng của hiện thực mà đó còn là những không gian mang tính văn hóa, biểu trưng. Trong vở *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, nhân vật Trương Ba là hiện thân của một người nông dân hiền hậu, chất phác. Không gian mà nhân vật sinh sống, thể hiện những phẩm chất đáng quý trọng của mình và cũng là không gian xảy ra xung đột xung quanh mối quan hệ giữa hồn và xác trong vở kịch cũng gắn liền với hoàn cảnh làng quê Việt Nam thời trước. Đó là ngôi nhà với vườn cây, ao cá, là xóm làng và trên hết đó là không gian của lòng người, của tình người chất phác, đôn hậu.

Trong vở *Điều không thể mất*, hình ảnh con sông, bãi dâu nơi chị Nhâm trở về sau khi chiến tranh kết thúc cùng với niềm tin sẽ đoàn tụ với Minh như lời hẹn ước: “Dù mọi sự đổi thay, dù bất cứ giá nào, sẽ tìm gặp lại Nhâm mai này... sẽ có nhau mãi mãi. Nếu lạc tin nhau thì ngày hòa bình, cứ chờ Minh ở quê Nhâm, Minh sẽ tìm đến”. Hình ảnh làng quê Việt còn được thể hiện ở những cánh đồng hoa cúc bạt ngàn trong vở *Ngọc Hân công chúa*; những bãi cỏ xanh mượt trong vở *Ông vua hóa hổ* mà ba người Thảo, Minh Không và Từ Đạo Hạnh gắn bó, hay những con sông, những ruộng lúa trong vở hài kịch *Bệnh sĩ*...

Một góc độ văn hóa khác đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện văn hóa người Việt với hàng ngàn năm dựng nước, đó là truyền thống yêu nước. Trong hầu hết các vở kịch của Lưu Quang Vũ, dù ít hay nhiều, dù trực tiếp hay gián tiếp đều truyền tải thông điệp về truyền thống yêu nước của dân tộc ta. Dù viết về đề tài lịch sử (*Ngọc Hân công chúa*) hay đương đại (*Mãi mãi tuổi 17*, *Lời thề thứ 9*), thì kịch bản văn học Lưu Quang Vũ đều phản ánh rõ rệt tinh thần yêu nước bao gồm giữ nước, xây dựng và phát triển đất nước. Vở kịch *Mãi mãi tuổi 17* đưa chúng ta trở lại một thời kỳ oanh liệt gần một trăm năm trước khi mà đất nước đang chìm trong ách thống trị của thực dân Pháp, khi mà đời sống nhân dân ta một cổ hai tròng, vô cùng cơ cực, lầm than. Kể về cuộc đời người anh hùng Lý Tự Trọng, *Mãi mãi tuổi 17* đã truyền đi thông điệp mạnh mẽ cho lớp lớp các thế hệ thanh niên Việt Nam bài học quý báu về lòng yêu nước nồng nàn, yêu đồng bào và tinh thần tự tôn truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bài học về tấm gương ham học hỏi, ham hiểu biết, ý chí quyết tâm, sẵn sàng gánh vác sứ mệnh và trọng trách để đóng góp được nhiều hơn cho đất nước.

Kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ xuất phát từ hiện thực rất đặc biệt của Việt Nam, nhưng ông luôn tìm thấy trong đó sự bao quát tư tưởng, sự tiếp cận với các vấn đề của hiện thực vừa có ý nghĩa thời sự, vừa có giá trị lâu dài. Trong kịch của ông có mối liên hệ giữa tính thời sự và tính lịch sử, đồng thời cũng thấm thấu những ý tưởng khái quát cuộc đời và con người nói chung. –

2.3. Các yếu tố văn học dân gian (thành ngữ, tục ngữ, ca dao, dân ca)

Một nét đặc sắc khác trong hệ thống kịch bản văn học của nhà viết kịch Lưu Quang Vũ đó chính là việc sử dụng một hệ thống ngôn ngữ riêng, vừa tự nhiên, vừa ngắn gọn mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc. Điều đó được minh chứng bằng việc sử dụng những kinh nghiệm nhìn nhận, quan sát, đánh giá về con người cũng như các hiện tượng tự nhiên của người xưa thông qua các câu thành ngữ, tục ngữ và ngữ cố định; đồng thời tăng chất thơ cho kịch bản văn học bằng các câu ca dao, dân ca.

Khảo sát kịch bản văn học Lưu Quang Vũ, chúng tôi nhận thấy rằng trong hầu hết các vở kịch của ông đều có sử dụng dù ít hay nhiều các câu tục ngữ, hay cụm ngữ cố định. Chẳng hạn như: “kết cỏ ngâm vành”, “phương phi quốc thước” trong *Ông vua hóa hổ*; “chó cụp tai, mèo trụi lông”, “bóp hầu bóp họng”, “vật đổi sao dời”, “nâng khăn sửa túi”, “trăm nghe không bằng một thấy”, “bầm gan tím ruột”, “lá ngọc cành vàng”, “đũa mốc mà chời mâm son”, “thân gái dặm trường”, trong *Ngọc Hân công chúa*; “giao gì làm nấy”, “khôn ba năm đại một giờ”¹¹, “nhẹ dạ cả tin”¹², “cháy lây và thành”¹³, “sự thật mất lòng”¹⁴, “quan dân dân khổ”¹⁵ trong *Tôi và chúng ta*, “bút sa gà chết” trong *Điều không thể mất*, “rứt rề như rắn mối” trong *Bệnh sĩ...* Tất cả đều có vai trò làm tăng sức lập luận, độ tin cậy cho lời nói của nhân vật trong kịch bản. Bên cạnh đó, có thể thấy rất rõ rằng, Lưu Quang Vũ còn tăng chất thơ cho kịch bản văn học của mình bằng các câu thơ, mà chủ yếu là các bài ca dao, dân ca hay các bài thơ thuộc thể thơ lục bát – thể thơ đặc trưng của dân tộc. Chẳng hạn các bài thơ trong *Ngọc Hân công chúa* đều thuộc thể lục bát: “Việc đời việc nước khó sao / Gặp nhau buổi ấy phải đâu chuyện tình / Hai ta hai ngã cách ngăn / Muốn yên xã tắc nên anh lấy nàng / Mỗi duyên xa lạ ngõ ngang / Nước non gánh nặng chứa chan lệ sầu ... Hay là đoạn đối đáp bằng lời ca, tiếng hát giữa Sâm và Mai đã cho thấy thêm một nét văn hóa đặc sắc trong văn hóa dân gian của người Việt nữa, đó là hát giao duyên. Sâm: Hát nhé! (Háng giọng, một điệu hò Bình Định) Thuốc ngon Bình Định / Giấy quyến Sa Huỳnh / Ai xa thì mặc họ, hai đứa mình nó xa!... Đến lượt Mai: (hát) - Sông Tô nước chảy quanh co / Cầu Đông sương sớm, quán Giò trắng khuya / Buồn tình vừa lúc phân chia / Tiếng ai như đã bên kia hẹn hò. Tiếng Sâm: (hát) – Anh mắc mối tơ, anh quơ mối chỉ / Thấy em thùy mị, anh thương hủy nhớ hoài / Anh ở Đàng Trong, em ở Đàng Ngoài” .

2.4. Bài học nhân sinh qua các quan niệm văn hóa

Kịch bản văn học Lưu Quang Vũ có sức sống rất bền lâu, bởi nó luôn hàm chứa tính xã hội nhân sinh sâu sắc, chất chứa những giá trị nhân văn, khẳng định niềm tin vào cuộc sống, chia sẻ những tình cảm yêu thương chân thành, tình yêu quê hương đất nước cũng như đánh thức tâm hồn con người về sự vị tha và bao dung trong cuộc sống. Có thể gói gọn những quan niệm nhân sinh trong kịch bản Lưu Quang Vũ trên hai phương diện cơ bản: 1/ mối quan hệ giữa *hồn và xác* và 2/ mối quan hệ giữa *đạo và đời*.

- Quan niệm về mối quan hệ giữa *hồn* và *xác*:

Nhà nghiên cứu Phan Ngọc từng nhận xét về cái biệt tài, tinh tế trong sáng tác kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, đó là biết “nêu lên cái muôn đời trong cái bình thường, biến cố tích, huyền thoại thành chuyện thời sự, dùng cái hư để nói cái thực, dùng cái thô lỗ để khẳng định cái cao quý”. *Hồn Trương Ba da hàng thịt* với tuyên ngôn bất hủ “Tôi muốn được là tôi toàn vẹn” chính là câu chuyện triết học như thế. Nó mang nhiều chiều kích triết học như nhân sinh - xã hội, bản thể - siêu hình. Lưu Quang Vũ đặt ra vấn đề muôn đời của tồn tại bằng thái độ khách quan. Một mặt, không thể phủ nhận sự phụ thuộc trong mối quan hệ của xác thịt tầm thường với tâm hồn cao khiết. Mặt khác, ông không quên khẳng định giá trị cao quý nhất của con người nằm ở cái bên trong, cái sâu thẳm của tâm hồn. *Hồn Trương Ba - da hàng thịt* đủ lớn để trở thành một “đanh thiếp” văn hóa (hai lần đi lưu diễn và tham gia các liên hoan sân khấu quốc tế tại Liên Xô và Mỹ) nhưng cũng đủ gắn bó, thân thuộc, nằm lòng trong trái tim của nhiều độc giả cho đến hôm nay. Đỉnh cao của tư tưởng triết lý trong vở kịch là đối thoại giữa linh hồn và thể xác. Thể xác cũng có tính độc lập tương đối, có tiếng nói riêng, có nhu cầu tự nhiên hợp lý, không thể bỏ qua. Nhưng, linh hồn phải kiểm soát những nhu cầu đó, phải điều chỉnh, thăng hoa “Người” hóa, văn hóa hóa những nhu cầu ấy. Con người nói chung phải biết kìm hãm, tiết chế những nhu cầu bản năng và nếu cần, phải biết đè nén, biết hi sinh nó. Cuộc đấu tranh giữa linh hồn và thể xác thực sự là một cuộc đấu tranh trong bản thân con người để làm chủ những nhu cầu và ham muốn, nhất là khi bị hoàn cảnh tác động. Ở đây, cuộc đấu tranh này cũng cảnh báo khả năng lấn át của thể xác – tức là của những nhu cầu tầm thường – đối với linh hồn – tức là đối với khát vọng sống cao khiết. Từ sự lý giải lại một cách biện chứng về sự quan hệ giữa thể xác và linh hồn, triết lý nhân sinh của thời đại, Lưu Quang Vũ đã đi đến một quan niệm sống đẹp: Sống chân thật, mình phải là chính mình, cả linh hồn và thể xác, sống vì mọi người, vì hạnh phúc và sự tốt đẹp của con người. Bi kịch xung đột giữa linh hồn và thể xác được giải quyết theo cái cách đã tạo ra bi kịch. Đến đây, cái “chết hẳn” của Trương Ba lại thể hiện một chiến thắng thuyết phục của “tồn tại – người”, của nhân cách, của khát vọng hoàn thiện nhân cách của con người. Từ triết lý đơn giản trong truyện cổ dân gian về vai trò quan trọng thứ nhất của linh hồn, Lưu Quang Vũ đã sáng tạo nên một vở kịch có sức lôi cuốn mạnh mẽ, gửi tới người đọc một thông điệp sâu sắc về triết lý sống: thể xác và linh hồn có mối quan hệ hữu cơ với nhau; con người không thể chỉ sống bằng thể xác, mà phải luôn đấu tranh với bản thân để có sự thống nhất hài hòa giữa thể xác và linh hồn, hướng tới một lối sống cao thượng, vươn tới một nhân cách hoàn thiện.

- Quan niệm về mối quan hệ giữa đạo và đời:

Trong kịch Lưu Quang Vũ, Phật giáo vẫn là tôn giáo được đề cập đến nhiều nhất. Quan niệm “đời là bể khổ” được Lưu Quang Vũ phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa đời và đạo trong văn hóa Việt Nam.

Trong vở kịch lịch sử *Ông vua hóa hổ*, qua cuộc đời và số phận của các nhân vật chính mà cụ thể hơn là cuộc đời của nhân vật Minh Không, với những cách ứng xử, với những câu nói của họ, người đọc có thể hiểu được những điều đơn giản, thông thường như đạo Phật là gì, và cả những điều cao xa như hai chữ *tùy duyên*, như mối quan hệ giữa từ bi và sát sinh trong ý nghĩ thường trực của Phật tử. Nhưng trên hết, bộc lộ rõ nhất và có ý nghĩa nhất trên hết là mối quan hệ giữa “đạo” – mà cụ thể là đạo Phật với “đời”- cuộc sống xung quanh. Thông qua cuộc đối thoại giữa nhân vật Thảo và Minh Không, Lưu Quang Vũ đã cho thấy mối quan hệ hữu cơ, thống nhất và không thể tách rời giữa “đạo” và “đời”: “Làm người một mình ư? Để cho ai? Để làm gì? Và có thực mãi mãi lánh xa tất cả được không? Có làm người thực sự được không, nếu đứng vững với mọi niềm đau khổ?”. Cuộc hội ngộ giữa hai nhân vật Thảo và Minh Không chính là cuộc giằng co giữa “đạo” và “đời” trong Minh Không. Minh Không, con người vốn tự cho rằng mình với thế sự ngoài khu rừng mình đang tu hành là “không còn gì chung nữa”, bởi chàng “Ghê sợ bể khổ, bể dữ của kiếp người, ta đi tìm sự bình an tâm trí” nhưng khi xã tắc gặp loạn thì việc ra tay giúp đời đã thắng suy nghĩ tự mình được “thực làm người”. Minh Không quyết định “Ra khỏi rừng này... tới nơi ta cần đến... Có lẽ cũng giống như Ất, mười hai năm ta lánh ẩn góc rừng sâu, vẫn không dứt được mọi lo toan trần thế... Cõi đời lại gọi ta. Lần này thì không thể chối từ, cõi đời ghê gớm... cõi đời đã cho ta hơi thở và trí nhớ... Phải đi thôi Ất ạ”. Và tình bạn, tình yêu và hơn hết là chính nghĩa đã thắng, Minh Không lại trở về trần thế và cứu người bạn năm xưa, cũng là cứu đất nước, cứu nhân dân. Như vậy, “đạo” và “đời” trong Minh Không là không thể tách rời mà là gắn bó hữu cơ. Nhân vật Minh Không cùng với sự giằng xé nội tâm của mình cũng là biểu trưng, là lời nhắn gửi của Lưu Quang Vũ và cũng là truyền thống văn hóa quý báu của nhân dân ta. Trong bao cuộc chiến tranh giữ nước và trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, nhân dân ta không phân biệt dân tộc, tôn giáo đã cùng nhau làm nên bao chiến thắng vẻ vang của dân tộc.

3. KẾT LUẬN

Có thể nói văn hóa là một phạm trù rất rộng, biểu hiện của nó trong văn học cũng rất đa dạng và phong phú. Ở bài viết này, khi nghiên cứu bình diện các vấn đề văn hóa bản địa trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, chúng tôi không có tham vọng chỉ ra được hết những yếu tố thuộc về văn hóa trong văn học, cụ thể là trong kịch bản văn học của ông, mà chỉ chú tâm đến những nét văn hóa truyền

thống góp phần tạo dấu ấn đặc sắc và đặc trưng trong kịch bản văn học Lưu Quang Vũ – một trong những yếu tố tạo nên thành công và sức sống lâu bền cho kịch bản văn học của tác gia tài năng này. Chúng tôi cho rằng, văn hóa trong kịch bản văn học Lưu Quang Vũ, như ông nói, không gì khác chính là “Văn hiến - đó là những gì sâu kín làm nên mỗi tâm hồn”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Nguyên Cẩn (2014), *Tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hóa*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Đỗ Đức Hiểu (1998), “*Mấy điều về kịch và thi pháp kịch*”, Tạp chí Văn học số 2, Hà Nội.
- [3]. Nhiều tác giả (1987), *Đợi đến mùa xuân*, NXB Sân khấu, Hà Nội.
- [4]. Phan Ngọc (1996), “*Kịch pháp Lưu Quang Vũ*”, Tạp chí *Tia sáng*, số 5.
- [5]. Phan Ngọc (1997), *Xây dựng cốt truyện kịch*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
- [6]. Lý Hoài Thu, Lưu Khánh Thơ (tuyển chọn) (2007), *Lưu Quang Vũ về tác giả và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7]. Lý Hoài Thu (2006), “*Lưu Quang Vũ và chặng đường kịch nói Việt Nam cuối thế kỉ XX*”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, Hà Nội, số 8.
- [8]. Lưu Quang Vũ (2003), *Lưu Quang Vũ – Tác phẩm được giải thưởng Hồ Chí Minh*, NXBSân khấu, Hà Nội.
- [9]. Trần Đình Sử (2017), *Dẫn luận Thi pháp học*, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.

LUU QUANG VU 'S PLAYS FROM THE VIEW OF NATIVE CULTURE

Le Thi Minh Hien

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: minhhiendhkh@gmail.com

ABSTRACT

Culture is an extremely broad category; its expressions in literature are diverse and abundant. In this article, we research the indigenous cultural factors in Lưu Quang Vũ's literal plays. It does not hope to list all cultural factors in his plays, but focuses on the basic characteristics that are important and featured points as distinct expressions and are considered as one of the most factors to make his plays more successful and remembered. These include the rich personal pronouns, using the elements of folk literature (idioms, proverbs, folk songs...); life lessons through culture concept and community's cultural traditions.

Keywords: Culture, factors, literal plays , Lưu Quang Vũ's.



Lê Thị Minh Hiền sinh ngày 19/9/1975 tại Quảng Bình. Bà nhận bằng cử nhân năm 1997 và bằng thạc sỹ chuyên ngành Lý luận văn học tại Trường Đại học Sư phạm, ĐHH Huế năm 2002. Hiện nay, bà công tác tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu : Lý luận văn học, Mỹ học và Báo chí.